

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 161.000.000.000 đồng (Một trăm sáu một tỷ đồng).

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính 2011 là 104.455.452VND (Năm 2010 là 31.512.548.181VND).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011 là 104.455.452VND (Năm 2010 là 5.439.273.871VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Lê Văn Minh	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Đoàn Ngọc Hoàn	Phó Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
3	Ngô Văn Bình	Thành Viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011
4	Lê Tăng Đức	Thành Viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
5	Hoàng Đức Hiền	Thành Viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/02/2011

Ban Tổng giám đốc

Thành viên ban Tổng giám đốc tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đoàn Ngọc Hoàn	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/02/2007
2	Ngô Anh Sơn	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2007
3	Bùi Quang Kỳ	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/02/2011

Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát tại ngày lập báo cáo như sau:

1	Đỗ Thị Hồng	Trưởng Ban Kiểm Soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
2	Phạm Thị Ánh Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010
3	Đỗ Chí Thường	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 25/04/2010

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đoàn Ngọc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Số: 1388/BCKT-TC/NV5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính năm 2011 của
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam lập ngày 13 tháng 01 năm 2012 gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Ngô Quang Tiến
Phó Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0448/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 02 tháng 02 năm 2012



Nguyễn Việt Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	TM	Đơn vị tính: VNĐ	
			31/12/2011	01/01/2011
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		142.771.121.589	246.713.549.236
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	35.231.682.315	83.741.368.871
111	1. Tiền		35.231.682.315	81.741.368.871
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.03	15.871.039.670	15.497.320.917
121	1. Đầu tư ngắn hạn		19.561.568.636	19.289.020.636
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(3.690.528.966)	(3.791.699.719)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	V.04	89.789.178.965	145.209.134.467
131	1. Phải thu khách hàng		-	78.500.000
132	2. Trả trước cho người bán		242.282.700	498.868.500
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		83.319.093.275	141.164.815.541
138	5. Các khoản phải thu khác		6.294.684.017	3.533.831.453
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(66.881.027)	(66.881.027)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.879.220.639	2.265.724.981
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		114.907.420	436.690.726
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	V.05	115.678.627	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.06	171.528.690	-
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	V.07	1.477.105.902	1.829.034.255
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.624.643.450	51.230.634.803
220	II. Tài sản cố định		26.419.401.603	28.641.357.008
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	5.903.862.051	4.257.962.114
222	- Nguyên giá		15.066.282.522	11.496.044.819
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.162.420.471)	(7.238.082.705)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	20.515.539.552	24.192.832.394
228	- Nguyên giá		30.107.626.930	29.727.894.430
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9.592.087.378)	(5.535.062.036)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	190.562.500
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.03	22.000.000.000	19.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		22.000.000.000	19.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.205.241.847	3.589.277.795
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	1.615.740.244	2.293.903.981
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		2.047.831.603	1.196.943.814
268	4. Tài sản dài hạn khác	V.11	541.670.000	98.430.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		195.395.765.039	297.944.184.039

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Đơn vị tính: VNĐ	
			31/12/2011	01/01/2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		33.747.382.199	131.504.910.168
310	I. Nợ ngắn hạn		33.744.124.264	131.501.652.233
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	35.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		1.447.563.252	1.846.074.000
313	3. Người mua trả tiền trước		118.000.000	85.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	53.641.020	1.713.606.068
315	5. Phải trả người lao động		305.418.068	636.615.754
316	6. Chi phí phải trả		846.625.208	586.197.519
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.13	1.236.989.240	12.744.821.521
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	V.14	28.016.833.095	77.567.890.416
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		73.900	111.803.055
322	11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		1.000	1.209.643.900
323	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi		65.346.483	-
327	13. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ		-	-
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.15	1.653.632.998	-
329	15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		3.257.935	3.257.935
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.257.935	3.257.935
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
359	10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		161.648.382.840	166.439.273.871
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	161.648.382.840	166.439.273.871
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		271.963.694	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		271.963.694	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		104.455.452	5.439.273.871
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		195.395.765.039	297.944.184.039

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký		630.399.020.000	631.645.920.000
	Trong đó			
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		585.549.750.000	531.845.920.000
008	6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
009	6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		585.549.750.000	531.845.920.000
010	6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
011	6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác		-	-
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		32.538.170.000	-
013	6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		32.538.170.000	-
014	6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		-	-
015	6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
016	6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác		-	-
017	6.3 Chứng khoán cầm cố		-	99.800.000.000
018	6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		-	-
019	6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		-	99.800.000.000
020	6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài		-	-
021	6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác		-	-
027	6.5 Chứng khoán chờ thành toán		12.311.100.000	-
028	6.5.1 Chứng khoán chờ thành toán của thành viên lưu ký		12.311.100.000	-
029	6.5.2 Chứng khoán chờ thành toán của khách hàng trong nước		-	-
030	6.5.3 Chứng khoán chờ thành toán của khách hàng nước ngoài		-	-
031	6.5.4 Chứng khoán chờ thành toán của tổ chức khác		-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
081	7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		-	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		25.550.500.000	7.907.950.000
084	10. Chứng khoán nhận uỷ thác đầu giá		-	-



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Hoàn
Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng
Bùi Quang Kỹ

Người lập biểu
Đương Thu Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	VI.17	38.819.778.263	76.934.600.355
	<i>Trong đó</i>		-	-
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9.953.350.269	21.102.056.436
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		3.130.229.047	21.537.480.377
01.3	- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		-	-
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		1.409.318.184	906.924.732
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		-	-
01.7	- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá		-	-
01.8	- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		3.486.783.257	1.787.989.334
01.9	- Doanh thu khác		20.840.097.506	31.600.149.476
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		38.819.778.263	76.934.600.355
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.18	11.498.242.423	15.137.870.945
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		27.321.535.840	61.796.729.410
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26.939.148.566	29.061.908.445
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		382.387.274	32.734.820.965
31	8. Thu nhập khác	VI.19	142.485.717	392.727.634
32	9. Chi phí khác	VI.20	243.736.599	453.452.096
40	10. Lợi nhuận khác		(101.250.882)	(60.724.462)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		281.136.392	32.674.096.503
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.21	176.680.940	1.161.548.322
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		104.455.452	31.512.548.181
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.22	6	1.960



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Hoàn
Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng
Bùi Quang Kỳ

Người lập biểu
Đương Thu Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp
Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		281.136.392	32.674.096.503
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		6.123.899.354	6.727.055.734
03	- Các khoản dự phòng		101.170.753	(9.789.170.620)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(265.251.398)	(31.383.287.937)
06	- Chi phí lãi vay		4.631.642.891	5.478.565.672
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.872.597.992	3.707.259.352
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		55.077.205.228	(117.257.833.311)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(63.314.959.128)	(2.713.549.745)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		999.947.043	856.780.164
13	- Tiền lãi vay đã trả		(4.631.642.891)	(5.478.565.672)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.509.757.952)	-
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100.000.000	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(742.025.910)	(686.430.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.148.635.618)	(121.572.339.212)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.759.407.703)	(5.725.024.946)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		100.965.367	95.238.095
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	30.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(18.000.000.000)	(19.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		265.251.398	32.498.603.335
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.393.190.938)	37.868.816.484
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	240.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	69.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(35.000.000.000)	(34.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.967.860.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(38.967.860.000)	35.240.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(48.509.686.556)	(48.463.522.728)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		83.741.368.871	132.204.891.599
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		35.231.682.315	83.741.368.871



Tổng Giám đốc
Đoàn Ngọc Hoàn
Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng
Bùi Quang Kỹ

Người lập biểu
Đương Thu Hà

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm					
		Năm trước	Năm nay -	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay				
A	B	1	2	Tăng	3	Giảm	4	Tăng	5	Giảm	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		161.000.000.000	161.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	161.000.000.000	161.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		(380.960.000)	(380.960.000)	-	-	380.960.000	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	271.963.694	271.963.694	-	-	-	271.963.694
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	271.963.694	271.963.694	-	-	-	271.963.694
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(26.073.274.310)	5.439.273.871	31.512.548.181	31.512.548.181	-	-	104.455.452	104.455.452	5.439.273.871	5.439.273.871	5.439.273.871	104.455.452
Cộng		134.545.765.690	166.439.273.871	31.512.548.181	31.512.548.181	380.960.000	380.960.000	648.382.840	648.382.840	5.439.273.871	5.439.273.871	166.439.273.871	161.648.382.840

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007 và Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 1, toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội và các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hoá, Đồng Nai và Nghệ An.

Vốn kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2011 là 161.000.000.000 VND (Một trăm sáu một tỷ đồng), tương đương 16.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam

<u>Tên Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 4, Số 2BIS, Công trường Quốc tế, phường 6, quận 3, tp Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá	Số 67 Lý Thường Kiệt, Lam Sơn, Thanh Hoá
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	103 đường 30/4, Thái Bình, Biên Hoà, Đồng Nai
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	Số 4, Phan Bội Châu, TP Vinh, Nghệ An

Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định theo thời gian còn lại của TSCĐ và được ước tính như sau:

- Máy móc thiết bị	03-05 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chứng khoán và các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán

Chứng khoán thương mại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thị trường và giá gốc. Bất kỳ một khoản tăng hoặc giảm giá của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Công ty nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường. Chứng khoán sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua. Lãi dự thu được tính toán theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ ước tính còn lại của chứng khoán.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán bị giảm giá khi có sự suy giảm "trọng yếu" hoặc "kéo dài" của giá trị hợp lý của tài sản thấp hơn so với nguyên giá hoặc khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng giảm giá trị của tài sản. Việc xác định tính "trọng yếu" và "kéo dài" đòi hỏi đánh giá chủ quan và ước tính.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục Chi phí hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyên địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính năm hoặc tại ngày kết thúc năm tài chính giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Trên biên nhận vốn của các cổ đông, sự chênh lệch giữa giá phát hành và giá danh nghĩa của cổ phiếu được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ, công cụ vốn chủ sở hữu được công ty mua lại, trình bày trên phần nguồn vốn, như một khoản giảm vốn chủ sở hữu, bằng với chi phí mua lại. Công ty chứng khoán ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã ghi nhận.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VNĐ

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Tiền mặt	282.118.999	204.475.492
Tiền gửi ngân hàng	24.064.862.508	62.860.245.764
Của Công ty	4.163.469.042	2.480.524.986
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	19.901.393.466	60.379.720.778
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	10.884.700.808	18.676.647.615
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Cộng	<u>35.231.682.315</u>	<u>83.741.368.871</u>

2 . Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Của công ty chứng khoán	1.071.026	27.234.783.532
- Cổ phiếu	1.071.026	27.234.783.532
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
b) Của nhà đầu tư	297.067.435	3.547.930.511.400
- Cổ phiếu	296.531.355	3.544.461.879.400
- Trái phiếu	536.080	3.468.632.000
- Chứng khoán khác		
Tổng cộng	298.138.461	3.575.165.294.932

3. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ sách		Số với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng		Giảm		Cuối năm	Đầu năm
					Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm		
I. Chứng khoán thương mại	789.273	544.248	19.561.568.636	19.289.020.636	1.835.703	154.229.372	3.690.528.966	3.791.699.719	4.780.855.373	11.885.494.223
- Cổ phiếu Cty Niêm yết	309.272	372.959	8.469.548.636	15.522.964.570	1.835.703	154.229.372	3.690.528.966	3.791.699.719	4.780.855.373	11.885.494.223
ACB	74	109.239	1.916.163	2.831.970.948			317.763	35.452.548	1.598.400	2.796.518.400
HTI	10.000	10.000	207.866.000	207.866.000			178.866.000	95.866.000	29.000.000	112.000.000
VCB	145.601	230.013	4.811.861.584	11.793.232.418			1.637.759.784	2.997.651.733	3.174.101.800	8.795.580.685
MBB	119.781		2.607.404.166				1.313.769.366		1.293.634.800	
Các cổ phiếu khác	33.816	23.707	840.500.723	689.895.204	1.835.703	154.229.372	559.816.053	662.729.438	282.520.373	181.395.138
- Cổ phiếu Cty chưa Niêm yết (*)	480.000	171.288	11.091.020.000	3.765.056.066						
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam	50.000	50.000	525.000.000	525.000.000						
MBB	-	91.288	-	2.274.036.066						
Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30.000	30.000	966.020.000	966.020.000						
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bắc Minh	400.000		9.600.000.000	-						
- Trái phiếu	1	1	1.000.000	1.000.000						
UNI	1	1	1.000.000	1.000.000						
II. Chứng khoán đầu tư										

Ghi chú: Cổ phiếu chưa niêm yết (*)

Số lượng 480.000 cổ phiếu OTC ở trên tương ứng 11.091.020.000 đồng là những cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Do không thể thu thập được giá thị trường của các loại cổ phiếu này nên giá trị của các loại cổ phiếu này được phản ánh theo giá trị trên sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư tài chính (tiếp)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Ghi chú
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
III. Đầu tư góp vốn	2.200.000	1.900.000	22.000.000.000	19.000.000.000	
- Đầu tư vào công ty con					
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
Cty CP Đầu tư thế giới vàng	-	1.500.000	-	15.000.000.000	
Cty CP ĐTXD&TM Điện lực Miền Bắc	1.700.000	400.000	17.000.000.000	4.000.000.000	
Cty CP tư vấn &ĐT Ròng vàng	500.000		5.000.000.000		
IV. Đầu tư tài chính khác					

4. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh			Số cuối kỳ			Ghi chú
	Tổng số	Số quá hạn	Số đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số đòi		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1. Phải thu của khách hàng và trả trước người bán	577.368.500			3.943.720.857	4.278.806.657	242.282.700				
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán - Phải thu của Sở (Trung tâm) GDCK	141.164.815.541	0	0	2.258.161.357.586	2.316.007.079.852	83.319.093.275				
- Phải thu khách hàng về GDCK + Phải thu khách hàng về nghiệp vụ góp vốn chứng khoán	139.947.809.441			2.257.566.107.586	2.315.091.579.852	82.422.337.175				
+ Phải thu khách hàng về dịch vụ hỗ trợ khách hàng	120.326.727.263			1.122.819.320.923	1.169.387.099.309	73.758.948.877				
+ Phải thu khác của khách hàng	19.554.201.151			1.134.746.786.663	1.145.703.380.543	8.597.607.271				
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	66.881.027				1.100.000	65.781.027				
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán	1.217.006.100			595.250.000	915.500.000	896.756.100				
- Phải thu thành viên khác										
3. Phải thu nội bộ	0			0	0	0				
4. Phải thu khác	3.533.831.453			24.682.679.793	21.921.827.229	6.294.684.017				
Tổng cộng	145.276.015.494	0	0	2.286.787.758.236	2.342.207.713.738	89.856.059.992				

5 . Thuế GTGT được khấu trừ

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Thuế GTGT được khấu trừ	115.678.627	-
Cộng	115.678.627	-

6 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Thuế TNDN nộp thừa	171.528.690	-
Cộng	171.528.690	-

7 . Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	15.000.000	594.000.000
Tạm ứng	1.462.105.902	1.235.034.255
Cộng	1.477.105.902	1.829.034.255

8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	8.290.339.423	1.399.925.000	-	1.805.780.396	11.496.044.819
- Mua trong năm	271.352.265	3.589.174.600	-	100.952.238	3.961.479.103
- XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	(328.684.400)	(328.684.400)
- Giảm khác	-	-	-	(62.557.000)	(62.557.000)
Tại ngày 31/12/2011	8.561.691.688	4.989.099.600	-	1.515.491.234	15.066.282.522
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	5.756.978.837	580.419.076	-	900.684.792	7.238.082.705
- Khấu hao trong kỳ	1.279.373.330	435.101.925	-	352.398.757	2.066.874.012
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	(100.831.578)	(100.831.578)
- Giảm khác	-	-	-	(41.704.668)	(41.704.668)
Tại ngày 31/12/2011	7.036.352.167	1.015.521.001	-	1.110.547.303	9.162.420.471
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	2.533.360.586	819.505.924	-	905.095.604	4.257.962.114
Tại ngày 31/12/2011	1.525.339.521	3.973.578.599	-	404.943.931	5.903.862.051

- Tổng nguyên giá tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là: 4.973.196.361 đồng

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm tin học	Phần mềm website	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	-	29.177.894.430	550.000.000	-	29.727.894.430
- Mua trong năm	-	379.732.500	-	-	379.732.500
Tại ngày 31/12/2011	-	29.557.626.930	550.000.000	-	30.107.626.930
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	-	5.186.423.145	348.638.891	-	5.535.062.036
- Khấu hao trong năm	-	3.947.025.342	110.000.000	-	4.057.025.342
Tại ngày 31/12/2011	-	9.133.448.487	458.638.891	-	9.592.087.378
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	-	23.991.471.285	201.361.109	-	24.192.832.394
Tại ngày 31/12/2011	-	20.424.178.443	91.361.109	-	20.515.539.552

10 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
Chi phí thành lập chi nhánh Hồ Chí Minh	-	130.603.167
Chi phí thành lập chi nhánh Đồng Nai	-	501.584.497
Chi phí thành lập chi nhánh Nghệ An	-	11.330.000
Chi phí thành lập chi nhánh Thanh Hóa	46.589.955	158.405.835
Chi phí trả trước dài hạn tại Hội sở	648.694.415	253.587.322
Chi phí trả trước dài hạn chi nhánh Thanh Hóa	60.045.136	202.734.640
Chi phí trả trước dài hạn chi nhánh Nghệ An	59.497.502	-
Chi phí trả trước dài hạn chi nhánh Đồng Nai	387.047.766	-
Chi phí công cụ dụng cụ tại Hội sở	162.843.077	241.689.593
Chi phí công cụ dụng cụ Đồng Nai	10.405.313	-
Chi phí công cụ dụng cụ chi nhánh Hồ Chí Minh	30.480.445	113.462.923
Chi phí sửa chữa chi nhánh Hồ Chí Minh	210.136.635	680.506.004
Cộng	1.615.740.244	2.293.903.981

11 . Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
Ký cược, ký quỹ dài hạn	541.670.000	98.430.000
Cộng	541.670.000	98.430.000

12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
Thuế giá trị gia tăng	141.963	38.538.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.161.548.322
Thuế thu nhập cá nhân	1.412.395	25.666.762
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	52.086.662	487.852.845
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	53.641.020	1.713.606.068

13 . Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Kinh phí công đoàn	134.454.107	123.608.698
Bảo hiểm xã hội	92.656.694	40.979.962
Bảo hiểm y tế	20.388.587	10.346.875
Bảo hiểm thất nghiệp	7.217.888	3.140.788
Cổ tức phải trả	862.140.000	-
NHTM CP Đại Tín - ứng trước tiền bán ck cho nhà đầu tư		12.165.907.378
Phải trả phải nộp khác	120.131.964	400.837.820
Cộng	<u>1.236.989.240</u>	<u>12.744.821.521</u>

14 . Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	4.932.494.000	12.352.047.000
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	0	235.199.500
Phải trả tổ chức và cá nhân khác	23.084.339.095	64.980.643.916
Cộng	<u>28.016.833.095</u>	<u>77.567.890.416</u>

15 . Doanh thu chưa thực hiện

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
Tiền cho thuê nhà	1.653.632.998	-
Cộng	<u>1.653.632.998</u>	<u>-</u>

16 . Vốn chủ sở hữu (xem phụ lục số 03 trang 10)

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

17 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.953.350.269	21.102.056.436
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	3.130.229.047	21.537.480.377
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.409.318.184	906.924.732
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	3.486.783.257	1.787.989.334
- Doanh thu về vốn kinh doanh	20.840.097.506	31.600.149.476
Cộng	<u>38.819.778.263</u>	<u>76.934.600.355</u>

18 . Chi phí hoạt động kinh doanh

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.631.642.891	5.478.565.672
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	6.866.599.532	9.659.305.273
Cộng	<u>11.498.242.423</u>	<u>15.137.870.945</u>

19 . Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản cố định	100.965.367	95.238.095
Thu phí chuyên nhượng cổ phiếu	22.547.092	62.934.944
Hoa hồng đại lý sàn vàng	-	170.940.349
Thu nhập khác	18.973.258	63.614.246
Cộng	<u>142.485.717</u>	<u>392.727.634</u>

20 . Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý TSCĐ	240.116.599	312.099.634
Chi phí khác	3.620.000	141.352.462
Cộng	243.736.599	453.452.096

21 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	176.680.940	1.161.548.322
Cộng	176.680.940	1.161.548.322

Chi phí thuế TNDN

	Năm nay
Lợi nhuận trước thuế	281.136.392
Các khoản điều chỉnh	(425.587.369)
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô không hợp lệ</i>	(23.878.108)
<i>Cổ tức được chia</i>	265.251.398
<i>Chi phí HĐQT, ban kiểm soát không trực tiếp điều hành</i>	(460.000.012)
<i>Lỗ quý I của CN Thanh Hoá nộp thuế độc lập</i>	(6.355.916)
<i>Lỗ của CN HCM nộp thuế độc lập</i>	(200.604.731)
Thu nhập tính thuế	706.723.761
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành theo thuế suất phổ thông	176.680.940
Thuế TNDN được miễn giảm	-
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	176.680.940

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	104.455.452	31.512.548.181
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	104.455.452	31.512.548.181
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.100.000	16.076.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6	1.960

VIII . Những thông tin khác

1 . Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

<u>STT</u>	<u>Tên Công ty/Cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1	Đỗ Chí Thường	Thành viên Ban KS
2	Ngô Anh Sơn	Thành viên Ban GD

b) Số dư với các bên liên quan

<u>STT</u>	<u>Tên Công ty/Cá nhân</u>	<u>Phải thu/ Phải trả</u>	<u>Số dư công nợ</u>
1	Đỗ Chí Thường	Phải thu	369.487.085
2	Ngô Anh Sơn	Phải thu	714.421.097

c) Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc VND

Lương và thưởng Năm 2011

1.340.197.456

2 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C). Riêng bảng TSCĐ được phân loại lại số đầu năm để phù hợp theo từng chủng loại TSCĐ.



Tổng Giám đốc

Đoàn Ngọc Hoàn

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2012

Kế toán trưởng

Bùi Quang Kỹ

Người lập biểu

Dương Thu Hà